

Số: 01/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 01 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị.

Xét Tờ trình số 7904/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông đến năm 2030; Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, với những nội dung sau:

I. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị

1. Quan điểm

- Áp dụng đồng bộ các giải pháp, tập trung các nguồn lực thực hiện Chương trình phát triển đô thị theo Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Xây dựng lộ trình từng bước phát triển hệ thống đô thị tỉnh Đắk Nông; từng bước hoàn thiện và mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng các đô thị, trên cơ sở khai thác các tiềm năng, khắc phục những khó khăn, tồn tại, từng bước xây dựng và phát triển đô thị bền vững tương xứng với vai trò vị thế chức năng của tỉnh Đắk Nông trong từng giai đoạn hội nhập và phát triển.

2. Mục tiêu phát triển

- Năm 2025 hoàn thiện các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch vùng huyện. Làm cơ sở để tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị, xây dựng kế hoạch thực hiện các khu vực phát triển đô thị, xác định danh mục các dự án phát triển đô thị để huy động mọi nguồn lực đầu tư nhằm phát huy hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Từ năm 2026, căn cứ Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông thực hiện quản lý đầu tư xây dựng phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, giá trị lịch sử, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển đô thị và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường. Là cơ sở để xây dựng các Kế hoạch phát triển hệ thống đô thị có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn; Nâng cao vai trò vị thế của tỉnh Đắk Nông trong vùng và Quốc gia. Phát triển tỉnh Đắk Nông văn minh, hiện đại, thông minh và có bản sắc, phù hợp với các yêu cầu tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển đô thị đến năm 2030

1. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh: Dân số toàn tỉnh dự báo đến năm 2030

khoảng 828.000 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2025 - 2030 là 3,0%/năm (giai đoạn tăng trưởng cao); trong đó tăng tự nhiên 1,1% và tăng cơ học 1,9%. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 35%.

2. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh: chiếm khoảng 7,54% diện tích đất tự nhiên.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phát triển đô thị: Được xác định trong Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Chi tiết tại Biểu 01*).

4. Lộ trình và kế hoạch thực hiện nâng loại đô thị toàn tỉnh: (*Chi tiết tại Biểu 02, Biểu 03 kèm theo*).

5. Kế hoạch ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Biểu 04 kèm theo*).

6. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn

Trên cơ sở rà soát các Quy hoạch, và đối chiếu với hiện trạng phát triển đô thị, danh mục lộ trình kế hoạch nâng loại đô thị. Khái toán nhu cầu vốn phát triển đô thị đối với danh mục ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh cũng như của từng đô thị như sau: Dự kiến nhu cầu vốn ưu tiên đầu tư các công trình tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 khoảng **12.902 tỷ đồng**. Cụ thể:

STT	Nguồn vốn	Tổng nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Ngân sách trung ương	6.432
2	Ngân sách tỉnh	4.756
3	Ngân sách cấp huyện	393
3	Hợp pháp khác	1.321
	Tổng	12.902

Trong đó vốn đầu tư các dự án ưu tiên về hạ tầng khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh khoảng 9.323 tỷ đồng; hạ tầng xã hội của tỉnh là 3.318 tỷ đồng; Các Đồ án quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị, Đề án phân loại đô thị là 261 tỷ đồng.

Bảng. Dự kiến kinh phí thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư tỉnh Đắk Nông

STT	Danh mục	Tổng nhu cầu vốn đầu tư
		(Tỷ đồng)
	Tổng cộng (A+B+C)	12.902
A	Khung hạ tầng kỹ thuật	9.323

phh

STT	Danh mục	Tổng nhu cầu vốn đầu tư
		(Tỷ đồng)
1	Giao thông	5.830
2	Cấp điện	350
3	Hạ tầng thủy lợi	1.638
4	Cấp nước	236
5	Xử lý nước thải, rác thải, môi trường	1.059
6	Thông tin, truyền thông	210
B	Khung hạ tầng xã hội	3.318
1	Giáo dục – đào tạo	1.084
2	Văn hóa – thể thao	992
3	Y tế	980
4	Thương mại, dịch vụ, du lịch	262
C	Các Đồ án quy hoạch, đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển đô thị	261
1	Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết	225
2	Chương trình phát triển đô thị	6
3	Đề án phân loại đô thị	30

III. Các giải pháp phát triển đô thị

1. Giải pháp huy động nguồn lực thực hiện

Sử dụng các nguồn lực tổng hợp, chủ đạo từ các loại nguồn vốn đầu tư công để đầu tư các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối cho từng giai đoạn, thu hút đầu tư từ điều kiện tự nhiên, tài nguyên, quỹ đất hiện có. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tạo nguồn vốn: vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ phát triển chính thức ODA, mô hình hợp tác công - tư PPP, FDI và vốn của các thành phần kinh tế khác. Căn cứ danh mục chi tiết dự án đầu tư, kế hoạch phân bổ nguồn vốn các giai đoạn 05 năm và hàng năm theo nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trung hạn, dài hạn của địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Giải pháp về xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh;

phh

- Đẩy mạnh đầu tư trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh để theo dõi, điều hành quản lý;

- Đầu tư hệ thống camera an ninh tại khu vực trung tâm, các nút, đường giao thông quan trọng, các khu vực công cộng đông người...; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, tín hiệu giao thông thông minh tại một số nút giao thông chính. Đồng thời, triển khai thực hiện số hóa hồ sơ lưu trữ các ngành, lĩnh vực; xây dựng một số điểm wifi miễn phí; xây dựng và phát triển các ứng dụng thông minh, chính quyền điện tử.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án nhằm đào tạo lao động ở các trình độ, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo;

- Điều chỉnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao trình độ lao động, đặc biệt là đối với người nông dân bị thu hồi đất sản xuất để giao cho dự án.

- Tạo các cơ chế chính sách xã hội để các doanh nghiệp tạo điều kiện về chỗ ở cho công nhân.

- Thực hiện phân cấp và giao quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong quản lý đô thị. Nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị các cấp. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị từ tỉnh đến địa phương. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh.

4. Giải pháp về xây dựng, quản lý và thực hiện quy hoạch

- Tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu về phát triển đô thị theo quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương. Hoàn thiện các quy định, chế tài để xử lý nghiêm các vi phạm trong quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập và điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các đô thị phù hợp với tình hình phát triển đô thị của tỉnh. Lập và hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị, các thị trấn, điểm tập trung dân cư, các khu vực có khả năng phát triển hoặc có khả năng kêu gọi và thu hút nguồn vốn đầu tư.

- Ban hành quy chế quản lý theo quy hoạch, thực hiện tốt việc công bố quy hoạch xây dựng để Nhân dân biết, thực hiện. Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc, cảnh quan cho từng đô thị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch đô thị trên địa bàn toàn tỉnh.

- Ứng dụng, tích hợp các hình thức quản lý đô thị bằng các giải pháp quản lý đô thị thông minh.

- Chú trọng “ngầm hóa” các công trình xây dựng như: Giao thông, các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật khác, giới hạn độ cao tầng không đối với các khu vực liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng để phát huy tính lưỡng dụng.

- Tận dụng địa hình tự nhiên để quy hoạch xây dựng các khu đô thị cho phù hợp, hạn chế việc san lấp các điểm cao tự nhiên tạo mặt bằng đồng mức, tác động không có lợi cho hoạt động quân sự.

- Không lập quy hoạch trùng vào đất quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự và đất đã quy hoạch vào nhiệm vụ quốc phòng.

Đến năm 2030, tối thiểu phủ kín quy hoạch phân khu các khu vực trung tâm, khu vực dự kiến phát triển và khu vực dự kiến thành lập mới đơn vị hành chính đô thị (phường). Tiếp tục hoàn thành lập và phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề thứ 12 thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, ngân sách Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT.HĐND, HC-TC-QT, HSKH. 

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

Biểu 01
Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phát triển đô thị
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của
HĐND tỉnh Đắk Nông)*

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	2025	2030
1	Dân số toàn Tỉnh	người	718.212	828.000
-	Dân số thành thị	người	212.000	293.000
-	Dân số nông thôn	người	506.212	535.000
2	Đất đô thị	ha	23.761	25.926
	Chỉ tiêu đất đô thị	m ² /người	1.120	890
3	Chỉ tiêu sử dụng đất ở			
-	Đất ở tại đô thị	m ² /người	100-150	100-150
-	Đất ở tại nông thôn	m ² /người	150-200	150-200
4	Hệ thống đô thị			
	Số lượng đô thị	đô thị	09	10
	Trong đó:			
	- Đô thị loại II	đô thị		01
	- Đô thị loại III	đô thị	01	01
	- Đô thị loại IV	đô thị	04	06
	- Đô thị loại V	đô thị	04	02
5	Hạ tầng kỹ thuật đô thị			
-	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	16-20	20-26
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đảm bảo an toàn	%	95	100
-	Tỷ lệ người dân được cấp nước sạch	%	80-85	85-90
-	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	80-90	90-100
-	Tỷ lệ cây xanh bình quân đầu người	m ² /người	4-6	6-8

Ghi chú:

- Năm 2025 Đắk Nông có 09 đô thị gồm: Thành phố Gia Nghĩa (loại III); Đắk Mil (loại IV), Kiến Đức (loại IV), Ea T'Ling (loại IV); Đắk Mâm (loại V), Đức An (loại V), Quảng Khê (loại V), Đắk Buk So (loại V); Nam Dong (loại V).

- Đến năm 2030 Đắk Nông có 10 đô thị gồm: Thành phố Gia Nghĩa (loại II); thị xã: Đắk Mil (loại III), Đắk R'lấp (loại IV), Cư Jút (loại IV); 04 thị trấn là: Đắk Mâm (loại IV), Đức An (loại IV), Quảng Khê (loại IV), Đắk Buk So (loại IV); 02 khu vực trung tâm xã: Nam N'Jang (loại V) và Quảng Sơn (loại V).

Biểu 02**Danh mục, lộ trình phân loại đô thị;****Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên đô thị	Hiện trạng phân loại	Năm 2025	Đến năm 2030	Sau năm 2030
I	Các đô thị hiện hữu và dự kiến trong giai đoạn đến 2030 phát triển mở rộng theo các quy hoạch chung đô thị				
1	Thành phố Gia Nghĩa	III	III	II	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I
2	Thị trấn Đắk Mil	IV	IV (toàn huyện trở thành thị xã)	III	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại II
3	Thị trấn Ea T'Ling	IV	IV	IV (toàn huyện trở thành thị xã Cư Jút)	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III
	Đô thị Nam Dong	V	V		
4	Thị trấn Kiên Đức	IV	IV	IV (toàn huyện trở thành thị xã Đắk R'lấp)	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III
5	Thị trấn Đức An (MR)	V	IV	IV	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III
6	Thị trấn Đắk Mâm	V	V	IV	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III
7	Đô thị Quảng Khê (MR)	V	V	IV	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III
8	Đô thị Đắk Buk So	V	V	IV	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại III
II	Các đô thị hình thành mới				
1	Đô thị Quảng Sơn			V	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại IV
2	Đô thị Nâm N'Jang			V	Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại IV
Tổng số đô thị nâng loại			09 đô thị	10 đô thị	

Ghi chú: Nội dung định hướng nâng cấp đô thị thuộc bảng thống kê nêu trên sẽ được định kỳ xem xét, điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu, điều kiện, tình hình phát triển đô thị của tỉnh và kế hoạch, chương trình phát triển đô thị quốc gia. Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.

Biểu 03
Danh mục lộ trình thực hiện phân loại đô thị
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của
HĐND tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên đô thị	Nội dung công việc	Năm thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
1	Thành phố Gia Nghĩa	Lập điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị	2024-2025	Đã bố trí
		Lập Chương trình phát triển đô thị thành phố Gia Nghĩa	2024-2030	0,8
		Lập các quy hoạch phân khu, khu chức năng, quy hoạch chi tiết cho các khu vực của thành phố Gia Nghĩa	2026-2030	50
		Lập đề án đề nghị công nhận thành phố Gia Nghĩa đạt tiêu chí đô thị loại II	2026-2030	1,5
2	Thị xã Đắk Mil	Lập Quy hoạch chung đô thị Đắk Mil	2025	Đã bố trí
		Lập Quy chế quản lý kiến trúc	2025	1
		Lập Chương trình phát triển đô thị Đắk Mil; đô thị mới xã Đắk R'la	2025	1
		Lập Quy hoạch phân khu khu vực dự kiến trở thành phường thuộc thị xã Đắk Mil	2026-2030	42
		Lập Đề án phân loại đô thị Đắk Mil; đô thị mới xã Đắk R'la	2026-2030	3,5
		Lập đề án thành lập thị xã Đắk Mil và các phường thuộc thị xã Đắk Mil (trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Đắk Mil).	2026-2030	5
3	Thị xã Cư Jút	Lập quy hoạch chung đô thị Cư Jút	2025	13,3
		Lập Chương trình phát triển đô thị Cư Jút	2025	1
		Lập Quy chế quản lý kiến trúc	2025	3
		Lập Quy hoạch phân khu khu vực dự kiến trở thành phường thuộc thị xã	2026-2030	29
		Lập đề án phân loại đô thị Cư Jút đạt tiêu chí đô thị loại IV	2026-2030	2,7
		Lập đề án thành lập đơn vị hành chính đô thị	2026-2030	5
4	Thị xã Đắk R'lấp	Lập quy hoạch chung đô thị Đắk R'lấp	2025	Đã bố trí
		Lập Quy hoạch phân khu khu vực dự kiến trở thành phường thuộc thị xã; quy hoạch xây dựng đô thị mới	2025	45
		Lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị Đắk R'lấp; đô thị khu vực dự kiến hình thành đô thị mới	2025	1,2
		Đề án thành lập thị xã Đắk R'lấp và các phường thuộc thị xã Đắk R'lấp	2026-2030	5
		Lập Đề án phân loại đô thị Đắk R'lấp đạt tiêu chí đô thị loại IV; đô thị khu vực dự kiến hình thành đô thị mới	2026-2030	2,5
5	Thị trấn Đức An	Lập Quy hoạch chung đô thị Đức An	2025	2,5
		Lập Quy chế quản lý kiến trúc.	2025	0,8
		Lập Đề án phân loại đô thị Đức An đạt	2026-2030	0,9

STT	Tên đô thị	Nội dung công việc	Năm thực hiện	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
		tiêu chí đô thị loại IV		
		Lập Chương trình phát triển đô thị khu vực thị trấn Đức An	2026-2030	0,25
6	Thị trấn Đắc Mâm	Lập Quy hoạch chung đô thị Đắc Mâm (toàn bộ ranh giới xã Đắc Mâm); quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị.	2025	8
		Lập Chương trình phát triển đô thị khu vực thị trấn Đắc Mâm	2025	0,5
		Lập Quy chế quản lý kiến trúc.	2025	0,5
		Lập Đề án phân loại đô thị Đắc Mâm đạt tiêu chí đô thị loại IV	2026-2030	0,5
7	Đô thị Quảng Khê	Lập Quy hoạch chung đô thị Quảng Khê (toàn bộ ranh giới xã Quảng Khê); quy hoạch chi tiết trong khu vực đô thị	2025	10
		Lập Đề án phân loại đô thị Quảng Khê đạt tiêu chí đô thị loại IV	2026-2030	0,5
		Lập Chương trình phát triển đô thị khu vực thị trấn Quảng Khê	2026-2030	0,25
		Đề án thành lập thị trấn Quảng Khê	2026-2030	0,5
		Lập Quy chế quản lý kiến trúc	2026-2030	0,5
8	Đô thị Đắc Búk So	Lập quy hoạch chung đô thị Đắc Búk So	2025	Đã bố trí
		Lập quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị	2026-2030	1,5
		Lập Chương trình phát triển đô thị Đắc Búk So	2026-2030	0,25
		Lập Đề án phân loại đô thị Đắc Búk So đạt tiêu chí đô thị loại IV	2026-2030	0,5
		Đề án thành lập thị trấn Đắc Búk So	2026-2030	1
		Lập Quy chế quản lý kiến trúc	2026-2030	0,3
9	Đô thị Quảng Sơn	Lập Quy hoạch xây dựng đô thị mới khu trung tâm xã Quảng Sơn; quy hoạch phân khu đô thị mới; lập quy hoạch chi tiết khu đô thị mới.	2025	10
		Lập Chương trình phát triển đô thị khu vực đô thị mới	2025	0,25
		Lập Đề án phân loại đô thị Quảng Sơn đạt tiêu chí đô thị loại V	2026-2030	0,5
10	Đô thị Năm N'Jang	Lập Quy hoạch xây dựng đô thị mới khu trung tâm xã Năm N'Jang; quy hoạch phân khu đô thị mới; lập quy hoạch chi tiết khu đô thị mới.	2025	7,5
		Lập Chương trình phát triển đô thị khu vực đô thị mới	2026-2030	0,25
		Lập Đề án phân loại đô thị Năm N'Jang đạt tiêu chí đô thị loại V	2026-2030	0,4

Biểu 04**Kế hoạch ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 01 năm 2025 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

(đơn vị: Tỷ đồng)

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
	TỔNG CỘNG		12.902	6.432	4.756	393	1.321			
A	HẠ TẦNG KỸ THUẬT		9.323	3.828	4.519	20	956			
I	Lĩnh vực giao thông		5.830	1.690	4.140	-	-			
1	Tuyến đường tỉnh									
1.1	Đường Đắk Lao - Eapo - Cầu Sêrêpôk 3 (Trục ngang 1)	Đường cấp IV, 2 làn xe, chiều dài khoảng 50km, mặt cắt ngang 40m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 9m, diện tích 187,5 ha	400		400			X	X	X
1.2	Đường Đắk Peur - Đắk Mâm - Buôn Chóah (Trục ngang 2)	Đường cấp IV, 2 làn xe, chiều dài khoảng 70km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích 282,1 ha	450		450			X	X	X
1.3	Đường Đắk Song - Quảng Phú (Trục ngang 3)	Đường cấp IV, 2 làn xe, chiều dài khoảng 60km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích khoảng 250 ha	420		420				X	X
1.4	Đường Đắk Búk So - Quảng Sơn - Đắk R'Măng - Quảng Khê (Trục ngang 4)	Đường cấp IV-III, 2 làn xe, chiều dài khoảng 110km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích 412,5 ha	600		600				X	X

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
1.5	Đường Đắc Sin - Đắc Búk So - Quảng Trục (Trục ngang 5)	Đường cấp IV-III, 2 làn xe, chiều dài khoảng 78 km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích 292,5 ha	470		470				X	X
1.6	Đường Bu P'răng - Quảng Trục - Quảng Tín (Trục ngang 6)	Đường cấp IV, 2 làn xe, chiều dài khoảng 50km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích 187,5 ha	400		400				X	X
1.7	Đường Cai Chanh - Đắc Nia (trục ngang 7)	Đường cấp IV-III, 2 làn xe, chiều dài khoảng 65 km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích 243,75 ha	430		430				X	X
1.8	Đường Đắc Som - Đắc R'Măng - Quảng Hòa - Quảng Phú (Trục ngang 8)	Đường cấp IV, 2 làn xe, chiều dài khoảng 84km, mặt cắt ngang 30m; mặt đường BTNN; bề rộng nền đường 7,5m, diện tích 315 ha	470		470				X	X
2	Đường vành đai, kết nối đô thị									
2.1	Đường vành đai thị trấn Đắc Mil (tuyến tránh Quốc lộ 14C)	Đường cấp III miền núi, 2 làn xe; chiều dài khoảng 7 Km; mặt cắt ngang 38m; mặt đường BTNN; B nền=38m; B mặt =20,5m, hoàn thiện hệ thống thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.	200	200				X	X	
2.2	Đường vành đai đô thị Gia Nghĩa (tuyến tránh đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 28)	Đường cấp III miền núi, 2 làn xe; mặt cắt ngang 38m; mặt đường BTNN; B nền=38m; B mặt =20,5m, hoàn thiện hệ thống thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.	300		300			X	X	

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
2.3	Đường vành đai thị trấn Kiến Đức (tuyến tránh đường Hồ Chí Minh)	Đường cấp III miền núi, 2 làn xe; chiều dài khoảng 7 Km; mặt cắt ngang 38m; mặt đường BTNN; B nền=38m; B mặt =20,5m, hoàn thiện hệ thống thoát nước; hệ thống an toàn giao thông.	200		200				X	X
2.4	Đầu tư xây dựng đường kết nối Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) - Bảo Lâm (Lâm Đồng) - Gia Nghĩa	Đầu tư xây dựng mới theo quy mô đường cấp III - Miền núi, vận tốc 60km/h; Bề rộng nền đường Bnền = 9,0m, bề rộng mặt đường Bmặt và lề gia cố = 8,0m, mặt đường Bê tông nhựa và Bê tông xi măng; Chiều dài tuyến khoảng L=10Km và 01 cầu lớn vượt sông Đồng Nai bằng Bê tông cốt thép dự ứng lực đúc hẫng.	1.490	1.490				X	X	
II	Cấp điện		350	-	-	-	350			
1	Xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Krông Búk - Tây Ninh 1	2 mạch x 313 km	100				100	X	X	X
2	Xây dựng mới trạm Đắk Nông 2	250 MVA	250				250	X	X	X
III	Hạ tầng thủy lợi		1.638	1.638	-	-	-			
1	Hồ chứa nước Đắk Na	Hồ chứa khoảng 3 triệu m ³ , Đập đất, tràn, cống và một số hạng mục thứ yếu khác kèm theo	226	226					X	X
2	Hồ Đắk Rla 5, Đắk Mil	Hồ chứa khoảng 4,8 triệu m ³ ; Đập tạo hồ; Tràn xả lũ; Cống lấy nước; Hệ thống kênh và một số các hạng mục công trình thứ yếu khác	410	410					X	X

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
3	Hồ Ea Diêr 2, Cư Jút	Hồ chứa khoảng 2,1 triệu m ³ ; Đập tạo hồ; Trần xả lũ; Cống lấy nước; Hệ thống kênh và một số các hạng mục công trình thứ yếu khác	230	230					X	X
4	Các công trình Thủy lợi huyện Tuy Đức	Bao gồm 5 hồ Thủy lợi: Hồ Đăk Glun - Quảng Tâm, hồ Đăk Đam Ru - Đăk R'Tih, hồ Thôn 7B - Đăk Ngo, hồ Thôn 5 - Quảng Tâm, hồ Đăk Quoeng 1- Đăk R'Tih	350	350						X
5	Hồ Nam Xuân 1, Krông Nô	Xây dựng mới 01 đầu mối hồ chứa nước, đường vận hàng, kênh và công trình trên kênh	256	256					X	X
6	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, nâng cao công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn các huyện: Krông Nô, Cư Jút	hồ Đăk Đ'rông, Đăk Diêr, hồ Trúc Sơn, hồ Cư Pu trên địa bàn huyện Cư Jút; hồ Đăk Rô, hồ Đăk Mhang, hồ Đăk Tân, hồ Đăk Ri, hồ Nam Đà	80	80					X	X
7	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, nâng cao công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn các huyện: Đăk Song, Đăk Mil.	hồ Đăk Săk, hồ Tây, hồ E29, hồ Ông Đăng, hồ Tăng Gia, hồ Đô Ry 2, hồ Đăk Goun, hồ Ông Hứa trên địa bàn huyện Đăk Mil; hồ Đăk Pông Pê, hồ Sinh Muông, CTTL thôn 10 (đê quây), hồ Đăk R'lon, hồ Đăk Mrung, hồ Đăk Mol, hồ Đăk Mruông	86	86					X	X
IV	Cấp nước		236	-	-	-	236			
1	TP Gia Nghĩa: Cụm nhà máy nước Gia Nghĩa	14.000 m ³ /ngày.đêm	62				62	X		
2	Nhà máy nước Kiến Đức	8.500 m ³ /ngày.đêm	38				38	X	X	
3	Cụm nhà máy nước Đăk Glong	3.500 m ³ /ngày.đêm	16				16		X	X

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHAI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
4	Cụm nhà máy nước Cư Jút	8.500 m ³ /ngày.đêm	38				38	X	X	
5	Nhà máy nước thị trấn Đắk Mâm	3.000 m ³ /ngày.đêm	13				13			X
6	Nhà máy nước thị trấn Đắk Mil	8.500 m ³ /ngày.đêm	38				38	X	X	
7	Nhà máy nước thị trấn Đức An	4.000 m ³ /ngày.đêm	18				18		X	X
8	Nhà máy nước Đắk Búk So	3.000 m ³ /ngày.đêm	13				12	X	X	
V	Lĩnh vực môi trường		1.059	500	169	20	370			
1	Khu xử lý chất thải rắn		139	-	119	20	-			
1.1	Khu xử lý chất thải nguy hại xã Đắk Nĩa	40 ha, công suất 125 tấn/ngày	66		66			X	X	
1.2	Khu xử lý chất thải rắn thông thường xã Đạo Nghĩa	15,4 ha, công suất 60 tấn/ngày	17		12	5		X	X	X
1.3	Khu xử lý chất thải rắn thông thường xã Quảng Khê	15 ha, công suất 46 tấn/ngày	17		12	5			X	X
1.4	Khu xử lý chất thải rắn thông thường xã Cư Knia	20 ha, công suất 170 tấn/ngày	20		15	5			X	X
1.4	Khu xử lý chất thải rắn thông thường Quảng Tâm	20 ha, công suất 60 tấn/ngày	20		15	5			X	X
2	Hệ thống xử lý nước thải		900	500	50	-	350			
2.1	Hệ thống xử lý nước thải Gia Nghĩa	dự kiến: 3.000 m ³ /ngày.đêm	400		50		350	X	X	
2.2	Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Đắk Mil	dự kiến: 3.500 m ³ /ngày.đêm	500	500					X	X
3	Nghĩa trang		20	-	-	-	20			

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
3.1	Công viên vĩnh hằng, Đắc Nĩa tại thành phố Gia Nghĩa	dự kiến 110 ha	20				20	X	X	
VI	Lĩnh vực thông tin, truyền thông		210	-	210	-	-			
1	Xây dựng nền tảng số chuyên ngành tỉnh Đắk Nông	- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh - Các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong danh mục cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính quyền số và dữ liệu trong Danh mục Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông - Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, hoàn thiện hạ tầng ICT, bảo đảm các giải pháp an toàn, an ninh mạng phục vụ Đô thị thông minh - Xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh	210		210				X	X
B	HẠ TẦNG XÃ HỘI		3.319	2.605	206	143	365			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo		1.084	513	206	-	365			
1	Nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông đạt cơ sở đào tạo nghề chuẩn quốc gia	Quy mô khoảng 10ha, 4000 học sinh	562	197			365	X	X	

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
2	Trường THCS&THPT Đắc Glong	Đầu tư bổ sung 12 phòng học cho cấp học trung học phổ thông; đầu tư bổ sung các phòng dạy học bộ môn để bảo phục vụ dạy học cho trường liên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông	60	60					X	X
3	Trường THPT Krông Nô	Quy mô khoảng 3ha, 1700 học sinh	256	256					X	
4	Trường liên cấp THPT thành phố Gia Nghĩa	Quy mô khoảng 3 ha, 1500 học sinh	70		70	-		X	X	
5	Trường liên cấp THPT Đắc R'lấp	Quy mô khoảng 3 ha, 1500 học sinh	70		70	-		X	X	
6	Trường liên cấp THPT Cư Jút	Quy mô khoảng 3 ha, 1500 học sinh	66		66	-		X	X	
II	Lĩnh vực văn hóa, thể thao		992	992	-	-	-			
1	Khu liên hiệp bảo tàng, thư viện tỉnh và công viên tỉnh	Khu liên hiệp bao gồm Bảo tàng, Thư viện và Công viên quy mô 5,9ha	85	85	-		-		X	X
2	Khu C Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh tỉnh	Công trình cấp II, 02 tầng, quy mô 1.200 chỗ ngồi, 1 Trệt + 1 Lầu. Diện tích sàn xây dựng: 4.476,3 m2	77	77				X	X	
3	Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh	Quy mô 19ha. Gồm đầu tư xây dựng các công trình Sân vận động; bể bơi, sân bóng đá, bóng chuyền, tennis, bóng rổ; trụ sở làm việc; bãi đỗ xe và các công trình giao thông nội bộ, hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ	830	830				X	X	
III	Lĩnh vực Y tế		980	980	-	-	-			

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025-2026	2027-2028	2029-2030
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2 tại thành phố Gia Nghĩa	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng: Mua sắm trang thiết bị y tế (tiên tiến, hiện đại).	380	380					X	X
2	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tại thành phố Gia Nghĩa	4,25 ha Đầu tư công trình bệnh viện với quy mô 100 giường bệnh, đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị đồng bộ	200	200					X	X
3	Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị cho các Trung tâm Y tế cấp huyện	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng: Mua sắm trang thiết bị y tế (tiên tiến, hiện đại).	400	400				X	X	
IV	Thương mại, dịch vụ, du lịch		263	120	-	143	-			
1	Chợ hạng I Đức Lập tại huyện Đắk Mil	Tên, vị trí, quy mô diện tích sẽ được tính toán và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch chi tiết và quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện dự án	35			35		X		
2	Chợ hạng I Kiến Đức tại huyện Đắk R'lấp		35			35		X		
3	Chợ hạng I Gia Nghĩa (nâng cấp, cải tạo) tại thành phố Gia Nghĩa		28			28		X		
4	Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Đắk Nông tại thành phố Gia Nghĩa		15			15			X	X
5	Trung tâm logistics cấp vùng tại huyện Đắk Mil		15			15			X	X
6	Trung tâm logistics cấp vùng tại huyện Đắk R'lấp		15			15		X	X	
7	Cụm kho hải quan khu cửa khẩu Bu Prăng (Cửa khẩu Bu Prăng)		120	120					X	X

STT	CÁC DỰ ÁN	QUY MÔ (dự kiến)	KHÁI TOÁN	NGUỒN VỐN				GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ		
				TRUNG ƯƠNG	TỈNH	HUYỆN	HỢP PHÁP KHÁC	2025- 2026	2027- 2028	2029- 2030
C	Các Đồ án quy hoạch, đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển đô thị		261	-	31	230	-			
1	Quy hoạch chung đô thị, Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết	10 đô thị	225		31	194		X	X	
2	Chương trình phát triển đô thị	10 đô thị	6			6		X	X	
3	Đề án phân loại đô thị	10 đô thị	30			30				